

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2026/HNGĐ-PT

Ngày: 21/8/2026

V/v Tranh chấp chia tài sản chung của
vợ chồng sau ly hôn, tranh chấp về
thay đổi người trực tiếp nuôi con sau
ly hôn, tranh chấp về cấp dưỡng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Phương

Các Thẩm phán: bà Bùi Thị Thu Hằng

Ông Trương Anh Tuấn

- **Thư ký phiên tòa:** bà Ngô Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Ngọc Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 05/2026/TLPT-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2026 về “*Tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn, tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, tranh chấp về cấp dưỡng*”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 30/2026/DS-ST ngày 15/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực X - Điện Biên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2026/QĐ-PT ngày 08 tháng 7 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 02/2026/QĐ-PT ngày 28/7/2026, Thông báo về việc thay đổi mở lại phiên tòa số 04/TB-TA ngày 04/8/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1984; địa chỉ: Bản N, phường M, tỉnh Điện Biên. Số Căn cước công dân: 011084000338, cấp ngày 18/9/2024, nơi cấp: Bộ Công an (Có mặt).

2. Bị đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1985; địa chỉ: Bản N, phường M, tỉnh Điện Biên. Chỗ ở hiện nay: Số 72, đường 79, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. Số Căn cước công dân: 011185000446 (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị H1, sinh năm 1961. Địa chỉ: Chung cư Ehomes D216, phường L, T phố Hồ Chí Minh. Chỗ ở hiện nay: Số 72, đường 79, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. Số Căn cước

công dân: 038157005063, cấp ngày 24/10/2023, nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH, Bộ Công an (Vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bị đơn chị Bùi Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/7/2025, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 11/9/2025 và các văn bản trình bày ý kiến của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm, anh Nguyễn Ngọc T trình bày:

Anh Nguyễn Ngọc T và chị Bùi Thị H kết hôn với nhau vào năm 2006, đến năm 2014 anh và chị H ly hôn theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 14/2014/QĐDS ngày 08/7/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Tại Quyết định đã thể hiện, về con chung, anh được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bùi Phương T2 sinh ngày 30/9/2007. Chị H được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh T1 sinh ngày 02/01/2013; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Mặc dù về tài sản chung anh T và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng giữa anh và chị H có thỏa thuận bằng miệng với nhau. Chị Bùi Thị H ở cùng con Nguyễn Minh T1 trên mảnh đất mà hai vợ chồng đứng ra mua của ông Lò Văn K tại bản N, phường N, thành phố Điện Biên Phủ, thời điểm đó chưa sang tên chủ sở hữu cho anh và chị H, thửa đất có chiều rộng 10m mặt đường, chiều sâu 25m. Tổng diện tích 250m², trong đó có 100m² đất ở. Trong thỏa thuận anh T để lại hết tài sản là diện tích đất trên cho chị H và cháu T1, sau đó chị H có trách nhiệm chuyển nhượng cho cháu Nguyễn Minh T1 ½ diện tích đất nói trên (tức 5m đất mặt đường, chiều sâu là 25m, trong đó có 50m² là đất ở, tổng diện tích 125m²). Sau đó chị H đã không thực hiện theo thỏa thuận trên.

Khoảng 20 giờ đến 21 giờ ngày 08/4/2024 chị H có gọi điện cho anh T hỏi anh “Có nuôi được cháu T1 không thì đón nó về, vì cháu T1 muốn lên ở với bố”. Anh có trả lời “Tôi về đón ngay”, trong điện thoại anh nghe có tiếng cháu T1 khóc. Sau khoảng 10 đến 15 phút anh đến công nhà chị H để gọi con nhưng không thấy cháu T1 trả lời và sau đó chị H nói vọng ra là đã đưa cháu T1 lên trên nhà rồi. Anh T về nhà thì thấy mẹ anh đang ôm cháu T1, cháu T1 thì khóc T1 lý hoang mang, hoảng sợ. Mẹ anh có nói sự việc là nghe cháu T1 gọi mở cổng, cháu T1 nói mẹ cháu đánh cháu và đuổi cháu đi, đồ đạc vất ngổn ngang ngoài cổng nhà còn chị H không nói một lời phóng xe đi mất.

Anh T trấn an tinh thần và động viên cháu bình tĩnh tránh cho cháu hoảng loạn thêm. Đến 00 giờ 10 phút ngày 09/4/2024 anh T mới nhận được tin nhắn điện của chị H là cho con lên để anh nuôi dưỡng và dạy dỗ, chị H nói không dạy được cháu T1 nhờ anh nuôi dưỡng dạy bảo vì T1 đang ở tuổi dậy thì nên đưa lên cho bố dạy và nuôi dưỡng. Trong tin nhắn chị H có nhắn là mỗi tháng sẽ cung cấp cho anh 1.000.000 đồng để anh lo trang trải cuộc sống cho cháu T1.

Từ ngày 08/4/2024 đến nay chị H không thực hiện chu cấp cho con; các

khoản đóng góp của nhà trường, tiền học phụ đạo các môn, thiết bị học tập, đồ dùng sinh hoạt hoàn toàn do anh T nộp. Anh T cũng nhiều lần có yêu cầu chị H có trách nhiệm với cháu T1 về các chi phí nhưng chị Bùi Thị H không thực hiện.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 12 tháng 03 năm 2026 và tại phiên tòa cấp sơ thẩm:*

- Anh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với các yêu cầu sau:

Yêu cầu về việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 14/2014/QĐDS-ST ngày 08/7/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Giao con chung Nguyễn Minh T1 sinh ngày 02/01/2013 cho anh Nguyễn Ngọc T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến khi cháu T1 thành niên và có khả năng lao động.

- Anh T rút yêu cầu đối với các yêu cầu sau:

+ ***Yêu cầu về việc:*** Khi cháu T2 và cháu T1 chẳng may ốm đau bệnh trọng, chị H phải chịu 1/2 chi phí khám chữa bệnh cho hai cháu.

+ ***Yêu cầu về việc:*** Chị H phải có trách nhiệm trả phải chịu 1/2 chi phí xin việc cho cháu T1 và cháu T2.

+ ***Yêu cầu về chia tài sản:*** Là thừa đất số 100 tờ bản đồ 30 địa chỉ thửa đất bản N, Phường M (trước đây là phường N) tỉnh Điện Biên mang tên chị Bùi Thị H và 01 thửa đất số 101 từ bản đồ 30 địa chỉ thửa đất bản N, phường M (trước đây là phường N) tỉnh Điện Biên mang tên bà Lê Thị H1.

- Anh T thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau:

+ Buộc chị H phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Minh T1 với mức 5.000.000 đồng/01 tháng. Thời điểm cấp dưỡng từ ngày 08/04/2024 (Là ngày cháu T1 về ở cùng anh) cho đến khi cháu T1 thành niên và có khả năng lao động.

- Yêu cầu Chị H cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Bùi Phương T2 sinh ngày 30/9/2007 với mức 5.000.000 đồng/01 tháng. Thời điểm cấp dưỡng từ ngày 08/04/2024 (là ngày anh phải nuôi cả hai con chung) đến ngày 30/9/2025 (ngày cháu T2 thành niên và có khả năng lao động).

Ngoài ra anh T yêu cầu: Vì cháu Nguyễn Minh T1 được bà Lê Thị H1 (bà ngoại của cháu) tặng cho thửa đất số 101 và cháu T1 đã được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực 2 cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA01860691 ngày 17/9/2025. Tuy nhiên, hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cháu T1, chị H đang quản lý. Để tránh việc chị H tự ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất của cháu T1 nên đề nghị HĐXX, sau khi xét xử sẽ gửi 01 bản án sang Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực 2 để lưu trong hồ sơ cấp đất cho cháu T1.

Trong quá trình giải quyết vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa cấp sơ thẩm, bị đơn chị Bùi Thị H trình bày:

- Đối với yêu cầu thay đổi người cấp dưỡng nuôi con:

Anh Nguyễn Ngọc T yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Giao con

chung Nguyễn Minh T1 sinh ngày 02/01/2013 cho anh T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Quan điểm của chị H, chị mong muốn được nuôi con nhưng cháu T1 đã 13 tuổi, việc cháu ở với ai sẽ do cháu lựa chọn, chị tôn trọng ý kiến của cháu T1.

- Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Anh T yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi 02 con chung Nguyễn Minh T1 sinh ngày 02/01/2013 và cháu Nguyễn Bùi Phương T2 sinh ngày 30/9/2007 với mức cấp dưỡng cụ thể như thông báo thụ lý vụ án số 35/TB-TLVA ngày 18/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực X - Điện Biên. Quan điểm của chị về yêu cầu này như sau:

Theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 14/2014/QĐDS-ST ngày 08/7/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đã giao cháu Nguyễn Bùi Phương T2 cho anh T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Minh T1 cho chị trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Tuy nhiên sau khi có Quyết định của Tòa án đến khoảng tháng 9 năm 2014, anh T và chị H lại quay về chung sống cùng nhau để nuôi dạy hai con chung nhưng anh chị không đăng ký kết hôn lại. Khoảng tháng 12 năm 2022 anh chị không chung sống cùng nhau nữa, anh T đã về ở với bố mẹ đẻ trên thửa đất mà năm 2018 sau khi ly hôn đã mua chung và xây nhà, còn 02 con chung vẫn do chị chăm sóc và nuôi dưỡng. Đến tháng 02 năm 2023 cháu T2 mới về ở cùng anh T còn cháu T1 vẫn do chị chăm sóc và nuôi dưỡng. Việc anh T yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi 02 con từ ngày 08/04/2024 đến ngày 08/8/2025 số tiền cấp dưỡng mỗi cháu 5.000.000 đồng/1 tháng. Tổng số tiền cấp dưỡng nuôi 02 cháu là 10.000.000đ x 16 tháng = 160.000.000 đồng. Chị không nhất trí vì theo Quyết định của Tòa án, anh T phải có trách nhiệm nuôi cháu T2. Còn cháu T1 do hai mẹ con bất đồng quan điểm về việc cháu không học bài nên chị có gọi điện và nhắn tin nhờ anh T chăm sóc và dạy bảo cháu. Sau đó chị nhắn tin xin anh T cho lên đón con nhưng anh T không cho đón. Chị có yêu cầu sẽ hỗ trợ cho anh T để nuôi cháu T1 với mức 1.000.000 đồng/1 tháng nhưng anh T khẳng định có đủ khả năng và điều kiện để nuôi con không nhận tiền chị hỗ trợ. Nhiều lần chị nhắn tin xin được đón cháu nhưng anh T cấm cản không cho chị gặp 02 con. Ngày 12/12/2024 chị và cháu T1 lên gặp trưởng bản là bác Lò Văn P nhờ bác giúp cho chị được đón cháu T1 về nhưng do anh T yêu cầu chị phải trả cho anh T số tiền là 50 triệu đồng và sang tên mảnh đất cho cháu T1 thì anh T mới cho đón cháu T1. Chị cũng có nhắn tin cho anh T là chị sẽ hỗ trợ tiền nuôi cháu T1 trong thời gian anh T nuôi cháu T1 là 2.000.000 đồng/tháng từ (ngày 08/04/2024 đến tháng 11/2024) nhưng anh T không nhận. Đến 28/5/2025 chị và bác P trưởng bản lên nhà anh T để xin đón cháu T1 nhưng gia đình anh T và vợ anh T không cho đón cháu T1. Vì vậy chị không đồng ý theo yêu cầu này của anh T, vì chưa có quyết định của Tòa án buộc chị phải cấp dưỡng nuôi cháu T1 và cháu T2.

+ Đối với yêu cầu của anh T: Từ ngày 08/8/2025 đến ngày 08/8/2029 khi cháu T2 học xong chuyên nghiệp, cấp dưỡng nuôi cháu T2 với mức 7.000.000 đồng/1 tháng; cấp dưỡng nuôi cháu T1 với mức 5.000.000/01 tháng. Quan điểm của chị H ngày 30/9/2025 cháu T2 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động và quyết định của Tòa án đã giao cho anh T nuôi dưỡng nên chị không nhất trí với

yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu T2. Chị H nhất trí cấp dưỡng cho cháu T1 từ ngày có quyết định của Tòa án với mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi.

+ Đối với yêu cầu của anh T về việc cấp dưỡng nuôi cháu T1 từ ngày 09/8/2029 đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động cấp dưỡng với mức 7.000.000 đồng/01 tháng. Quan điểm của chị H, chị sẽ cấp dưỡng cho cháu T1 khi có quyết định của Tòa án và mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/tháng vì hiện nay chị đã thôi việc chưa có việc làm ổn định. Hàng năm chị vẫn đóng bảo hiểm cho cháu với mức 5.995.000 đồng/năm.

+ Đối với yêu cầu của anh T về việc: Khi cháu T2 và cháu T1 chẳng may ốm đau bệnh trọng, anh T yêu cầu chị H phải chịu 1/2 chi phí khám chữa bệnh cho hai cháu. Đối với yêu cầu này chị H không nhất trí vì không ai mong muốn các cháu ốm đau. Đây cũng là trách nhiệm chung nếu anh T không chăm sóc các cháu được thì chị sẽ có trách nhiệm nuôi các cháu.

+ Đối với yêu cầu của anh T về việc chị phải có trách nhiệm phải chịu 1/2 chi phí xin việc cho cháu T1 và cháu T2. Chị H không đồng ý vì đây là hành vi vi phạm pháp luật (hành vi đưa hối lộ).

- **Đối với yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung:** Chị H trình bày, anh T và chị có tài sản chung gồm những tài sản là: 01 thửa đất số 100 tờ bản đồ 30 địa chỉ thửa đất bản N, phường M (trước đây là phường N) tỉnh Điện Biên mang tên chị Bùi Thị H và 01 thửa đất số 101 tờ bản đồ 30 địa chỉ thửa đất bản N, phường M (trước đây là phường N) tỉnh Điện Biên mang tên bà Lê Thị H1.

- Năm 2010 chị và anh T có mua của ông Lò Văn K 01 thửa đất vườn có diện tích là 250m², mặt đường là 10m có địa chỉ ở bản văn hóa N, phường N (nay là phường M) tỉnh Điện Biên trong thời kỳ hôn nhân giữa chị và anh T. Khi mua là đất vườn có giấy viết tay.

- Đến năm 2018 sau ly hôn anh chị có về chung sống cùng nhau có mua một mảnh đất vườn có tổng diện tích 312m² trong đó 12m đất mặt đường của ông Hà Huy X và bà Trần Thị H với giá là 650.000.000 đồng. Nguồn gốc số tiền mua đất là chị và anh T vay của mẹ chị là bà Lê Thị H1 số tiền 250.000.000 đồng còn số tiền 400.000.000 đồng là chị và anh T mượn số đồ của em Đặng Hữu N và em Đinh Thị M địa chỉ số nhà 87, tổ 10, phường M, T phố Điện Biên Phủ (nay là phường Điện Biên Phủ) là em họ của anh T để thế chấp tại ngân hàng BIDV chi nhánh Bản phủ để vay tiền mua đất.

Năm 2021 anh chị thỏa thuận làm sổ đỏ đối với thửa đất vườn có diện tích là 250m² mua của ông Lò Văn K tách ra T 02 thửa (được tách ra từ sổ đỏ của ông Lò Văn H) là thửa số 100 tờ bản đồ 30 địa chỉ thửa đất bản N, Phường M (trước đây là phường N) tỉnh Điện Biên mang tên Bùi Thị H và 01 thửa đất số 101 tờ bản đồ 30 địa chỉ thửa đất bản N, phường M (trước đây là phường N) tỉnh Điện Biên mang tên bà Lê Thị H1 (là mẹ đẻ của tôi). Năm 2010 anh chị xây nhà cấp IV trên diện tích đất thửa đất số 100. Năm 2021, anh chị có xây nhà cấp IV trên thửa đất số 101, tiền xây nhà trên thửa đất số 101 là do chị thế chấp thửa đất

số 100 để vay của ngân hàng BIDV chi nhánh tỉnh Điện Biên.

Cũng năm 2021 anh chị thỏa thuận làm sổ đỏ đối với thửa đất vườn có diện tích 313m² mua của ông Hà Huy X và bà Trần Thị H (được tách ra từ sổ đỏ của ông Thảm Thiên H địa chỉ bản N, Phường M (trước đây là phường N) tỉnh Điện Biên) T 02 thửa là thửa số 292 có diện tích 150,2m² mang tên Nguyễn Văn Kh là bố đẻ của anh T và thửa số 294 có diện tích 162,8m² mang tên anh Nguyễn Văn T.

Lý do anh chị tách T 04 thửa đất như trên là do thỏa thuận, chị được quyền quản lý và sử dụng 02 mảnh đất mang tên chị và bà Lê Thị H1 còn anh T được quyền quản lý và sử dụng 02 mảnh đất mang tên anh T và ông Nguyễn Văn Kh. Sau này khi 02 con chung là cháu T2 và cháu T1 đủ 18 tuổi thì ông Kh có trách nhiệm tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất mang tên ông Kh cho cháu T2 còn bà H1 có trách nhiệm tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất mang tên bà H1 cho cháu T1. Còn 02 thửa đất mang tên chị và anh T thì tài sản mang tên ai sẽ là của người đó. Đến tháng 7 năm 2025 ông Kh đã tặng cho cháu T2 quyền sử dụng đất mang tên ông Kh cho cháu T2 như đã thỏa thuận. Trong thời gian anh T nộp đơn tại Tòa án nhân dân khu vực X - Điện Biên, tháng 9/2025 mẹ chị là bà Lê Thị H1 đã tặng cho cháu T1 quyền sử dụng đất mang tên Lê Thị H1 cho cháu T1 như đã thỏa thuận trước đó. Hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA01860691 mang tên cháu T1 chị H đang quản lý, chị sẽ giao lại sổ đỏ cho cháu khi cháu đủ 18 tuổi.

* Quan điểm của chị H về yêu cầu chia tài sản chung giữa chị và anh T đã được thống nhất và đã chia như thỏa thuận nên chị H không nhất trí chia lại tài sản.

Tại biên bản ghi ý kiến của con chưa T niên ngày 05/01/2026, cháu Nguyễn Minh T1 trình bày:

Cháu ở cùng với bố cháu ở bản N, phường M, tỉnh Điện Biên từ ngày 08/4/2024 đến nay. Lý do cháu ở cùng bố mà không ở với mẹ theo quyết định của Tòa án có lý do như sau: Từ 08/7/2014 cháu ở cùng mẹ cháu nhưng đến ngày 08/4/2024 do mẹ cháu đuổi cháu và bố cháu ở cổng nhà bố cháu là Nguyễn Ngọc T nên từ ngày 08/4/2024 cho đến nay cháu ở cùng bố cháu. Trong thời gian cháu ở cùng mẹ cháu, mẹ cháu phải đi trực đêm nên không chăm sóc cháu chu đáo được, mẹ cháu thỉnh thoảng có mắng cháu. Ngày 08/4/2024 do cháu không làm bài tập nên cô giáo đã thông báo cho mẹ cháu và mẹ cháu đã đánh cháu và đưa cháu lên cổng nhà bố. Trong thời gian cháu ở cùng mẹ cháu thỉnh thoảng mẹ cháu cũng có đánh cháu lý do cháu không nhớ. Từ ngày 08/4/2024 đến nay mẹ cháu thỉnh thoảng có hỏi thăm cháu và 01 lần muốn đón cháu về, cháu có đồng ý về nhưng bố cháu bảo đón cháu về thì phải có sự chứng kiến của chính quyền và sang tên cho cháu mảnh đất như bố mẹ cháu đã thỏa thuận và phải trả cho bố cháu tiền nuôi dưỡng cháu từ khi cháu về ở với bố đến khi mẹ cháu đón, số tiền là 50.000.000 đồng/05 tháng. Cháu có xuống nói chuyện 03 lần với mẹ cháu về việc mẹ sang tên mảnh đất và có trách nhiệm với cháu nhưng mẹ không thực hiện và bảo đã bán mảnh đất đó. Từ đó đến nay cháu vẫn ở với

bố cháu. Nay bố cháu có đơn đề nghị Tòa án xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, giao cháu cho bố cháu nuôi dưỡng. Quan điểm của cháu, cháu xin được ở cùng bố để bố cháu chăm sóc và nuôi dưỡng cháu. Cháu không muốn ở cùng mẹ cháu nữa.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như cấp phúc thẩm, Tòa án đã triệu tập hợp lệ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H1, nhưng bà Lê Thị H1 vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gửi Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2026/HNGĐ-ST ngày 15/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực X - Điện Biên đã quyết định:

Căn cứ khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 28; Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 69; 70; 71; 72; 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số điều của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 147; khoản 3 Điều 218; 277 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ việc giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc T đối với chị Bùi Thị H về các yêu cầu sau:

- Yêu cầu Bùi Thị H phải chịu 1/2 chi phí khám chữa bệnh cho hai con chung Nguyễn Bùi Phương T2 và cháu Nguyễn Minh T1 khi hai con chung ốm đau bệnh trọng.

- Yêu cầu Bùi Thị H phải có trách nhiệm trả phải chịu 1/2 chi phí xin việc cho cháu Nguyễn Bùi Phương T2 và cháu Nguyễn Minh T1.

- Yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn là thửa đất số 100 tờ bản đồ 30 địa chỉ thửa đất bản N, Phường M, tỉnh Điện Biên mang tên chị Bùi Thị H và thửa đất số 101 tờ bản đồ 30 địa chỉ thửa đất bản N, Phường M, tỉnh Điện Biên mang tên bà Lê Thị H1.

2. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc T về yêu cầu:

- Thay đổi người trực tiếp nuôi con: Giao con chung Nguyễn Minh T1 sinh ngày 02/01/2013 cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu T1 trưởng thành và có khả năng lao động.

- Buộc chị Bùi Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Minh T1 với mức 2.500.000 đồng/01 tháng. Thời điểm cấp dưỡng từ ngày 08/04/2024 cho đến khi cháu T1 thành niên và có khả năng lao động. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện như sau:

+ Phương thức cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Minh T1 từ tháng 4 năm 2024 đến tháng 5 năm 2026 được thực hiện một lần với số tiền cấp dưỡng là 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng).

+ Phương thức cấp dưỡng định kỳ theo tháng từ tháng 5 năm 2026 đến khi cháu Nguyễn Minh T1 thành niên và có khả năng lao động.

- Buộc chị Bùi Thị H phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Bùi Phương T2 sinh ngày 30/9/2007 với mức 2.500.000 đồng/tháng thời điểm cấp dưỡng từ ngày 08/04/2024 đến ngày 30/9/2025. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện 1 lần là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn chị Bùi Thị H có đơn kháng cáo: Sửa một phần Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 30/2026/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực X - Điện Biên: không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Ngọc T về việc buộc chị Bùi Thị H phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Bùi Phương T2 trong thời gian từ ngày 08/4/2024 đến ngày 30/9/2025, cấp dưỡng một lần với số tiền 45.000.000 đồng; Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Ngọc T về việc buộc chị Bùi Thị H phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Minh T1 trong thời gian từ tháng 04/2024 đến tháng 05/2026, tương ứng với 26 tháng, cấp dưỡng một lần với số tiền 65.000.000 đồng; Sửa đổi mức cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Minh T1, giảm xuống mức hợp lý, cụ thể là 2.070.000 đồng/tháng.

*** Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên về việc tuân theo pháp luật và việc giải quyết vụ án:**

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T1 từ tháng 4/2024 đến tháng 5/2026, thực hiện một lần với tổng số tiền 65.000.000 đồng, chị H kháng cáo không chấp nhận. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, được hướng dẫn tại Điều 7 Nghị quyết 01 ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, quy định nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con chưa T niên phát sinh kể từ thời điểm cha, mẹ không sống chung với con. Tại Quyết định của Tòa án năm 2014 thể hiện anh T nuôi cháu T2, chị H nuôi cháu T1, không bên nào phải cấp dưỡng cho bên nào. Từ ngày 08/4/2024 cháu T1 đến ở cùng anh T, theo nguyện vọng của cháu, chị H cũng tôn trọng quyết định của con, mọi chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của cháu T1 là do anh T chi trả nên chị H phải có trách nhiệm cấp dưỡng để nuôi cháu T1 cùng với anh T, mức cấp dưỡng mà Tòa án cấp sơ thẩm xác định là 2.500.000 đồng/tháng là phù hợp với mức nhu cầu sinh hoạt tối thiểu của cháu. Như vậy không có cơ sở để xem xét sửa bản án sơ thẩm ở nội dung này.

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T1 với mức 2.500.000 đồng/tháng, chị H kháng cáo đề nghị giảm mức cấp dưỡng nuôi cháu T1 xuống còn 2.070.000 đồng/tháng, bằng $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu vùng. Theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01 ngày 16/5/2024 quy định tiền

cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con, mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con. Tại Nghị định 239 ngày 10/11/2025 quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm theo hợp đồng lao động tại vùng III nơi chị H cư trú là 4.140.000.000 đồng. Từ trước 01/01/2026 chị H có mức thu nhập ổn định là hơn 12 triệu đồng/tháng, chị cũng có tài sản có giá trị là nhà và đất. Việc cấp sơ thẩm buộc chị H cấp dưỡng mức 2.500.000 đồng/tháng đối với cháu T1 là phù hợp, không có cơ sở để giảm mức cấp dưỡng nuôi con theo kháng cáo của chị H.

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc chị H cấp dưỡng nuôi cháu T2 từ 08/4/2024 đến 30/9/2025 với số tiền 2.500.000 đồng/tháng, thực hiện một lần với tổng số tiền 45.000.000 đồng, chị H kháng cáo không chấp nhận cấp dưỡng đối với nội dung này là có căn cứ. Vì khi anh chị ly hôn Tòa án giao cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu T2 cho đến khi đủ tuổi T niên, giao cho chị H trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu T1 và không bên nào phải cấp dưỡng cho bên nào. Vậy việc nuôi cháu T2 là nghĩa vụ riêng của anh T, chị H không phải cấp dưỡng, ngoài ra anh chị cũng không có thoả thuận khác về việc cấp dưỡng hay yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc chị H phải cấp dưỡng nuôi cháu T2 từ 08/4/2024 đến 30/9/2025 khi cháu T2 đủ 18 tuổi là không có cơ sở, nên chấp nhận nội dung kháng cáo này của chị H.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 30/2026/HNGĐ-ST ngày 15/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực X - Điện Biên. Cụ thể chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Bùi Phương T2 sinh ngày 30/9/2007 với mức 2.500.000/tháng thời điểm cấp dưỡng từ ngày 08/4/2024 đến 30/9/2025, phương thức cấp dưỡng được thực hiện 01 lần với số tiền cấp dưỡng là 45.000.000 đồng. Còn những nội dung khác trong quyết định của bản án sơ thẩm cần được giữ nguyên.

Về án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị đơn kháng cáo được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Chị Bùi Thị H được trả lại số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000361 ngày 04/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Bùi Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng Hội đồng xét xử sơ thẩm không công bố lời khai, tài liệu chứng cứ mà bị đơn đã giao nộp là vi phạm điểm a khoản 1 Điều 254 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên nhắc nhở, rút kinh nghiệm trong bản án phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến

của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện, các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Xác định tranh chấp giữa nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc T và bị đơn chị Bùi Thị H là tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn, tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, tranh chấp về cấp dưỡng, theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Về thẩm quyền: Xét thấy bị đơn chị Bùi Thị H, địa chỉ bản N, phường M, tỉnh Điện Biên; căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Tòa án nhân dân khu vực X - Điện Biên thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án là có căn cứ.

[2] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo của bị đơn chị Bùi Thị H:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn chị Bùi Thị H gửi đơn kháng cáo đối với Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 30/2026/HNGĐ-ST ngày 15/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực X - Điện Biên. Việc kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo và quyền kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật, bị đơn đã nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm, như vậy việc kháng cáo của chị Bùi Thị H là hợp lệ, đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét đơn kháng cáo của bị đơn theo trình tự phúc thẩm.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm:

Xét thấy người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H1 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do; người kháng cáo bị đơn chị Bùi Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H1 và bị đơn chị Bùi Thị Hoà.

[4] Về nội dung

[4.1] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn chị Bùi Thị H, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 14/2014/QĐDS-ST ngày 08/7/2014 của Tòa án nhân dân T phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đã có hiệu lực pháp luật, anh Nguyễn Ngọc T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bùi Phương T2, sinh ngày 30/9/2007; chị Bùi Thị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 02/01/2013; các bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với người con do bên còn lại trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, các đương sự có thời gian quay lại chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn lại; đến cuối năm 2022 thì chấm dứt việc chung sống. Theo lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, từ tháng 02/2023 cháu Nguyễn Bùi Phương T2 chuyển đến

sinh sống cùng anh T; đến ngày 08/4/2024 cháu Nguyễn Minh T1 cũng chuyển sang ở cùng anh T. Kể từ thời điểm này, trên thực tế anh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung.

Đối với yêu cầu buộc chị H cấp dưỡng đối với cháu Nguyễn Bùi Phương T2 trong thời gian từ ngày 08/4/2024 đến ngày 30/9/2025, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 82, các Điều 107, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa T niên hoặc con đã T niên nhưng không có khả năng lao động, không có tài sản để tự nuôi mình. Nghĩa vụ cấp dưỡng là nghĩa vụ do pháp luật quy định nhằm bảo đảm điều kiện thiết yếu cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, học tập và phát triển của người được cấp dưỡng trong thời gian họ cần được nuôi dưỡng; việc thực hiện nghĩa vụ này nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người con chứ không nhằm bù đắp hay hoàn trả các khoản chi phí mà người trực tiếp nuôi con đã tự nguyện bỏ ra trong quá khứ, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác hoặc có căn cứ chứng minh người có nghĩa vụ cố ý trốn tránh việc cấp dưỡng làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người được cấp dưỡng.

Mặt khác, theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng từ tháng 02/2023 đến ngày 30/9/2025 anh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T2; trong suốt thời gian này anh T đã chủ động bảo đảm đầy đủ các điều kiện về ăn ở, học tập, sinh hoạt cho cháu T2 và không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện quyền, lợi ích hợp pháp của cháu bị ảnh hưởng do chị H không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Đồng thời, hồ sơ vụ án cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh trong khoảng thời gian nêu trên anh T đã yêu cầu chị H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu T2 nhưng chị H từ chối hoặc cố ý không thực hiện; cũng không có căn cứ xác định chị H có hành vi trốn tránh nghĩa vụ nuôi dưỡng hoặc từ bỏ trách nhiệm đối với cháu T2. Chỉ đến khi khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con đối với cháu Nguyễn Minh T1, anh T mới đồng thời yêu cầu chị H phải cấp dưỡng đối với cháu T2 cho khoảng thời gian từ ngày 08/4/2024 đến ngày 30/9/2025.

Hội đồng xét xử xét thấy Quyết định giải quyết việc dân sự số 14/2014/QĐDS-ST ngày 08/7/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đã xác định anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2 và quyết định này đã được các bên thực hiện ổn định trong thời gian dài. Việc sau khi các bên chấm dứt việc chung sống, cháu T2 tiếp tục ở cùng anh T không làm phát sinh một quan hệ pháp luật mới về người trực tiếp nuôi con đối với cháu T2. Trong thời gian trực tiếp nuôi dưỡng cháu, anh T đã tự nguyện thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người trực tiếp nuôi con mà không yêu cầu chị H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Đến thời điểm cháu T2 đã T niên mới yêu cầu chị H thanh toán khoản

cấp dưỡng đối với khoảng thời gian từ ngày 08/4/2024 đến ngày 30/9/2025 là không phù hợp với quy định về cấp dưỡng của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu buộc chị H cấp dưỡng đối với cháu Nguyễn Bùi Phương T2 trong thời gian từ ngày 08/4/2024 đến ngày 30/9/2025.

Đối với yêu cầu buộc chị H cấp dưỡng đối với cháu Nguyễn Minh T1, Hội đồng xét xử thấy rằng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự, nội dung tin nhắn giữa hai bên cũng như lời trình bày của cháu Nguyễn Minh T1 đều thể hiện từ ngày 08/4/2024 cháu T1 chuyển sang sinh sống ổn định cùng anh T. Chị H cũng thừa nhận đã giao cháu T1 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và sau đó nhiều lần đề nghị được đón cháu về nhưng không thực hiện được do các bên không thống nhất được với nhau. Mặt khác, cháu Nguyễn Minh T1 có nguyện vọng tiếp tục ở với anh T và Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cháu T1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày 08/4/2024, chị H là người không trực tiếp nuôi con nên theo khoản 2 Điều 82, các Điều 107 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Minh T1. Việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ thời điểm anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 là phù hợp với quy định của pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên.

Về mức cấp dưỡng, Tòa án cấp sơ thẩm xác định mức 2.500.000 đồng/tháng trên cơ sở xem xét nhu cầu thiết yếu của cháu T1 phù hợp với độ tuổi, điều kiện học tập, sinh hoạt thực tế tại địa phương và khả năng kinh tế của chị H. Tại cấp phúc thẩm, chị H kháng cáo đề nghị giảm mức cấp dưỡng xuống còn 2.070.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử thấy rằng mức cấp dưỡng hàng tháng mà Tòa án cấp sơ thẩm đưa ra là phù hợp với điều kiện kinh tế và hoàn cảnh của chị H cũng như đúng quy định của pháp luật về việc cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu giảm mức cấp dưỡng của chị H.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của chị Bùi Thị H, sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Ngọc T về việc buộc chị Bùi Thị H cấp dưỡng đối với cháu Nguyễn Bùi Phương T2 trong thời gian từ ngày 08/4/2024 đến ngày 30/9/2025; giữ nguyên phần bản án sơ thẩm về việc giao cháu Nguyễn Minh T1 cho anh Nguyễn Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng và buộc chị Bùi Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Nguyễn Minh T1 với mức 2.500.000 đồng/tháng, kể từ ngày 08/4/2024 cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Bùi Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử sơ thẩm không công bố lời khai, tài liệu, chứng cứ do bị đơn giao nộp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 254 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đây là vi phạm tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm, cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 30/2026/HNGĐ-ST ngày 15/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực X - Điện Biên bị sửa, nên bị đơn chị Bùi Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho chị Bùi Thị H số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000361 ngày 04/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309; khoản 3 Điều 296; khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 và 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 26; điểm a khoản 6 Điều 27; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn chị Bùi Thị H.
2. Sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 30/2026/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực X - Điện Biên.

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc T về việc buộc chị Bùi Thị H cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Bùi Phương T2, sinh ngày 30/9/2007, trong thời gian từ ngày 08/4/2024 đến ngày 30/9/2025.

2.2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc T.

Giao con chung là cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 02/01/2013 cho anh Nguyễn Ngọc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Bùi Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở việc thực hiện quyền này. Trường hợp việc thăm nom ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì theo yêu cầu của người trực tiếp nuôi con hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án sẽ xem xét hạn chế quyền thăm nom theo quy định của pháp luật.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con

- Buộc chị Bùi Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Minh T1 với mức 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng, kể từ ngày 08/4/2024 cho đến khi cháu Nguyễn Minh T1 T niên, có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

- Phương thức thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng như sau:

+ Đối với thời gian từ ngày 08/4/2024 đến hết tháng 5/2026, chị Bùi Thị H phải thanh toán một lần số tiền cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Minh T1 là 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng).

+ Kể từ tháng 6/2026, chị Bùi Thị H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hàng tháng số tiền 2.500.000 đồng/tháng cho cháu Nguyễn Minh T1 đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định của pháp luật.

(Hai khoản tiền này giao cho anh Nguyễn Ngọc T là người trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Minh T1 nhận).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Bùi Thị H chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản tiền cấp dưỡng phải thi hành một lần nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Khi có căn cứ theo quy định của pháp luật, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng theo quy định tại các Điều 84 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Các quyết định khác của Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 30/2026/HNGĐ-ST ngày 15/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực X - Điện Biên không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí:

4.1. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 26; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Anh Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu buộc chị Bùi Thị H cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Bùi Phương T2 không được Tòa án chấp nhận.

Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 11.300.000 đồng anh Nguyễn Ngọc T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000067 ngày 16/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên; hoàn trả lại cho anh Nguyễn Ngọc T số tiền 11.000.000 đồng.

- Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con được Tòa án chấp nhận và 300.000 đồng

án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Minh T1, tổng cộng số tiền là 600.000 đồng.

4.2. Về án phí phúc thẩm: Bị đơn chị Bùi Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho chị Bùi Thị H số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000361 ngày 04/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 21/8/2026).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- VKSND khu vực 2 - Điện Biên;
- TAND khu vực 2 - Điện Biên;
- THADS tỉnh Điện Biên;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Phương